

Bản án số: 110/2024/DS-ST
Ngày: 15-5-2024
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 10, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Phương Lan.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Nguyễn Vi Tường Thụy
- Bà Nguyễn Thị Tuyết Hồng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Anh Thư - Thư ký Tòa án nhân dân Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Phan Trần Vĩnh Phúc - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 5 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 469/2023/TLST-DS ngày 21 tháng 11 năm 2023 về việc “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 38/2024/QĐXXST-DS ngày 20 tháng 3 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 37/2024/QĐHPT-ST ngày 17 tháng 4 năm 2024, giữa các đương sự:

1. **Nguyên đơn:** Ngân hàng Thương mại Cổ phần S.

Địa chỉ: B - B N, phường V, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn: Công ty TNHH MTV Q và khai thác tài sản Ngân hàng S

Địa chỉ: B N, phường V, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo uỷ quyền:

Ông Nguyễn Ngọc M, sinh năm 1991 (Có đơn xin vắng mặt).

(Theo văn bản uỷ quyền số 1882/2023/UQ-TGD ngày 27/6/2023 của Công ty TNHH MTV Q và khai thác tài sản Ngân hàng S).

2. **Bị đơn:** Ông Phạm Thanh L, sinh năm 1968 (Vắng mặt).

Thường trú: G Đ, Phường A, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 10/10/2022 của nguyên đơn **Ngân hàng Thương mại cổ phần S** có ông **Nguyễn Ngọc M** đại diện trình bày:

Ngày 17/6/2020, ông **Phạm Thanh L** ký với **Ngân Hàng Thương mại cổ phần S** (gọi tắt là **Ngân hàng S**) hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng và Bản điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng), với hạn mức sử dụng là 20.000.000 đồng, lãi suất là 2.6%/tháng, vay sử dụng vào mục đích tiêu dùng cá nhân.

Sau khi được cấp thẻ tín dụng, ông **L** đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 42.490.000 đồng. Từ ngày kích hoạt thẻ đến nay ông **L** đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền 45.185.044 đồng. Qua nhiều lần làm việc, nhắc nhở nhưng ông **L** không có thiện chí trả nợ. Do ông **L** vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên ngày 23/04/2022 **Ngân hàng S** đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn.

Nay, **Ngân hàng S** yêu cầu Toà án buộc ông **Phạm Thanh L** phải trả ngay số tiền nợ tạm tính đến ngày 15/5/2024 là 23.832.045 đồng (trong đó dư nợ gốc là 10.080.177 đồng và lãi quá hạn là 13.751.868 đồng) và tiếp tục trả tiền lãi phát sinh từ ngày 16/5/2024 cho đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất quy định tại hợp đồng.

Trong quá trình Toà án giải quyết vụ án từ khi thụ lý cho đến khi đưa vụ án ra xét xử, Toà án đã tiến hành triệu tập ông **L** đến Toà để tiến hành lấy lời khai, mở phiên họp công khai chứng cứ, hoà giải và tham gia phiên tòa nhưng ông **L** đều vắng mặt không có lý do và cũng không có ý kiến phản đối.

Tại phiên tòa sơ thẩm, đại diện uỷ quyền của **Ngân hàng S** xin được vắng mặt và giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Bị đơn vắng mặt không có ý kiến.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 10 phát biểu quan điểm:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán và Hội đồng xét xử: Từ giai đoạn thụ lý vụ án đến khi nghị án đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Từ khi thụ lý cũng như tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn đã thực hiện đúng và đầy đủ các quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự và đề nghị xét xử vắng mặt. Bị đơn đã được triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt tại các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và đã được triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Đề nghị Toà án căn cứ vào khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vụ án vắng mặt các đương sự.

Về nội dung: Căn cứ Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng và bản điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng được

ký kết giữa ngân hàng với ông L, việc thực hiện giao dịch trên là do các bên hoàn toàn tự nguyện nên được pháp luật bảo vệ. Quá trình sử dụng thẻ ông L vi phạm nghĩa vụ thanh toán về tiền nợ gốc và lãi nên đề nghị Toà án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Toà án nhận định:

[1]. Về thẩm quyền giải quyết của Tòa án, quan hệ pháp luật và tư cách tham gia tố tụng của đương sự: Căn cứ đơn khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại cổ phần S yêu cầu bị đơn ông Phạm Thanh L trả số tiền nợ thẻ còn thiếu, có cơ sở xác định quan hệ tranh chấp giữa hai bên là “tranh chấp về hợp đồng tín dụng”. Bị đơn ông Phạm Thanh L có nơi cư trú tại Quận A nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[1.1] Xét Giấy uỷ quyền số 2535A/2022/GUQ-PL ngày 12/10/2022 của Ngân hàng TMCP S uỷ quyền cho của Công ty TNHH MTV Q và khai thác tài sản Ngân hàng S và Giấy uỷ quyền số 1882/2023/UQ-TGD ngày 27/6/2023 của Công ty TNHH MTV Q và khai thác tài sản Ngân hàng S uỷ quyền cho ông Nguyễn Ngọc M tham gia tố tụng tại Toà án là phù hợp với quy định tại Điều 85 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Xét, tại kết quả xác minh của Công an P, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh nêu “Đương sự Phạm Thanh L, sinh năm 1968 có hộ khẩu thường trú tại địa chỉ G Đ, Phường A, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh. Hiện không còn thực tế cư trú tại địa phương, hiện đang cư trú tại địa chỉ: C Tổ A, Ấp D, xã B, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh” và kết quả xác minh của Công an xã B, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh nêu “Đương sự Phạm Thanh L, sinh năm 1968 không đăng ký tạm trú, không thực tế cư ngụ tại địa chỉ: C Tổ A, Ấp D, xã B, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh”. Căn cứ khoản 2 Điều 6 của Nghị quyết 04/2017/NQ-HĐTP05/5/2017 của Hội đồng Thẩm phán Toà án nhân dân tối cao quy định trong đơn khởi kiện, người khởi kiện đã ghi đầy đủ và đúng địa chỉ nơi cư trú của người bị kiện theo địa chỉ được ghi trong giao dịch, hợp đồng bằng văn bản thì được coi là “đã ghi đầy đủ và đúng địa chỉ nơi cư trú”. Trường hợp người bị kiện thay đổi nơi cư trú gắn với việc thực hiện quyền, nghĩa vụ trong giao dịch, hợp đồng mà không thông báo cho người khởi kiện biết về nơi cư trú mới theo quy định tại khoản 3 Điều 40, điểm b khoản 2 Điều 277 Bộ Luật Tố tụng dân sự thì được coi là cố tình giấu địa chỉ và Tòa án tiếp tục giải quyết theo thủ tục chung.

[1.3] Xét, ông Nguyễn Ngọc M là đại diện uỷ quyền của nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt. Bị đơn ông Phạm Thanh L đã được Tòa án tổng đạt

Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và triệu tập họp lệ lần thứ hai nhưng bị đơn vẫn vắng mặt không tham gia phiên tòa và không có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, nên Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vụ án vắng mặt các đương sự.

[2]. Xét yêu cầu của nguyên đơn:

Theo Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng ngày 17/6/2020 của Ngân hàng Thương mại cổ phần S với ông Phạm Thanh L được giao kết hợp pháp vì có nội dung và hình thức phù hợp với quy định của pháp luật.

[2.1] Xét yêu cầu bị đơn thanh toán tiền gốc: Căn cứ bản sao kê do Ngân hàng cung cấp ngày 15/5/2024 của Ngân hàng S cho thấy ông L đã giao dịch bằng thẻ tín dụng số 472074 - 9100 từ ngày 22/6/2020 đến ngày 22/6/2021. Ngày 23/4/2022, Ngân hàng S đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ đối với ông L do ông L vi phạm nghĩa vụ trả nợ. Tại Điều 24 của điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng kiêm hợp đồng có quy định “Việc không thanh toán ít nhất số tiền tối thiểu của chủ thẻ cho đến kỳ TBGD tiếp theo sẽ tạo nên sự vi phạm theo hợp đồng”. Như vậy, ông L không thanh toán số tiền nợ gốc là 10.080.177 đồng cho Ngân hàng S là vi phạm thoả thuận tại hợp đồng mà các bên đã ký kết. Do đó, Hội đồng xét xử có cơ sở chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn buộc ông L phải thanh toán số tiền nợ gốc.

[2.2] Xét yêu cầu bị đơn thanh toán tiền lãi:

Theo mục 24.4 Điều 24 của Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng S áp dụng tính lãi quá hạn khi vi phạm nghĩa vụ trả nợ đối với loại thẻ tín dụng quốc tế mà ông L đang sử dụng là “áp dụng lãi suất nợ quá hạn là 150% của lãi suất được công bố áp dụng tại thời điểm hiện tại”, như vậy theo thoả thuận ông L phải chịu lãi suất 3.9%/tháng (150% x 2.6%/tháng). Nguyên đơn yêu cầu ông L trả tiền lãi quá hạn kê từ ngày 23/4/2022 đến ngày 15/5/2024 là 13.751.868 đồng là phù hợp với quy định tại khoản 5 Điều 466 Bộ luật Dân sự và Điều 91, 98 của Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010.

Như vậy, lãi suất sẽ được tiếp tục tính kể từ ngày 16/5/2024 cho đến khi ông L thanh toán xong nợ, theo mức lãi suất và mức phí quy định trong Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng ngày 17/6/2020 và Quyết định số 2399/2019/QĐ-TTT ngày 06/8/2019 của Ngân hàng S về việc ban hành biểu phí sản phẩm dịch vụ T phát hành tại Việt Nam.

Do thời hạn ông L không thanh toán số tiền còn thiếu cho Ngân hàng S đã lâu làm ảnh hưởng tới quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn. Do đó, nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán ngay số tiền còn thiếu là có căn cứ, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3]. Án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí theo quy định tại theo quy định tại khoản

1 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ khoản 5 Điều 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 91, Điều 98 của Luật các Tổ chức Tín dụng năm 2010;

- Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

1. Buộc ông **Phạm Thanh L** có nghĩa vụ thanh toán cho **Ngân hàng Thương mại Cổ phần S** số tiền tạm tính đến ngày 15/5/2024 là 23.832.045 (Hai mươi ba triệu, tám trăm ba mươi hai nghìn, không trăm bốn mươi lăm) đồng, trong đó nợ gốc là 10.080.177 (Mười triệu, không trăm tám mươi nghìn, một trăm bảy mươi bảy) đồng và tiền lãi là 13.751.868 (Mười ba triệu, bảy trăm năm mươi một nghìn, tám trăm sáu mươi tám) đồng.

Tiền lãi sẽ được tiếp tục tính từ ngày 16/5/2024 cho đến khi ông **L** thanh toán xong nợ, theo mức lãi suất và mức phí quy định trong Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng ngày 17/6/2020 và Quyết định số 2399/2019/QĐ-TTT ngày 06/8/2019 của **Ngân hàng S** về việc ban hành biểu phí sản phẩm dịch vụ **T** phát hành tại Việt Nam.

3. Án phí dân sự sơ thẩm là 1.191.602 (Một triệu, một trăm chín mươi một nghìn, sáu trăm lẻ hai) đồng, ông **Phạm Thanh L** phải chịu.

H lại cho **Ngân hàng Thương mại cổ phần S** số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 488.348 đồng (Bốn trăm tám mươi tám nghìn, ba trăm bốn mươi tám) đồng, theo biên lai thu tiền số 0035733 ngày 09/11/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày bản án được nhận hoặc được tổng đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:

- TAND TP.HCM;
- VKSND TPHCM;
- VKSND Q.10;
- Chi cục THADS Q.10;
- Các đương sự;
- Lưu VP, hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Phương Lan